

2026



Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

TÓM TẮT QUYỀN LỢI DANH MỤC THUỐC

Thông tin trong tài liệu này được thiết kế để giúp quý vị hiểu được các quyền lợi về thuốc theo toa được cung cấp theo chương trình này, và so sánh các quyền lợi này với các quyền lợi mà các chương trình khác cung cấp. Thông tin trong bản tóm tắt này được thiết kế để giúp quý vị so sánh giá trị và phạm vi quyền lợi danh mục thuốc.

CÁCH TÌM THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ THUỐC THEO TOA

Để tìm thông tin về chi phí thuốc theo toa của quý vị, vui lòng truy cập

<https://ambetter.superiorhealthplan.com/resources/pharmacy-resources.html>. Trong công cụ Chi Phí Thuốc, vui lòng chọn chương trình mà quý vị đang tham gia (dự định tham gia) và nhập loại thuốc quý vị đang dùng. Công cụ này sẽ cung cấp cho quý vị chi phí ước tính của thuốc theo toa và chi phí thực tế được phép cho các sản phẩm biệt dược. Nếu tổng chi phí thuốc nhỏ hơn khoản đồng thanh toán mà quý vị phải trả cho Bậc đó, quý vị sẽ chỉ có trách nhiệm chi trả khoản tiền nào ít hơn.

DANH MỤC THUỐC THEO CHƯƠNG TRÌNH QUYỀN LỢI Y TẾ

Chương Trình	Danh mục thuốc	Tóm tắt Quyền lợi và Bảo hiểm
Ambetter Health Solutions Bronze 5000	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Bronze 5000 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Bronze HSA 6400	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Bronze HSA 6400 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 0	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 0 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 1500	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html

Chương Trình	Danh mục thuốc	Tóm tắt Quyền lợi và Bảo hiểm
Ambetter Health Solutions Gold 1500 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 2500	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 2500 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 3000	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 3000 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 3500	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Gold 3500 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver 1350	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver 1350 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver 3000	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver 3000 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver 4500	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver 4500 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver 5000	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver 5000 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver Copay HSA 4000	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html

Chương Trình	Danh mục thuốc	Tóm tắt Quyền lợi và Bảo hiểm
Ambetter Health Solutions Silver Copay HSA 4000 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver HSA 4000	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Ambetter Health Solutions Silver HSA 4000 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Clarity Silver	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Clarity VALUE Silver	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Complete Gold	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Complete Gold + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Complete VALUE Gold	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Enhanced Diabetes Care Silver với Lựa Chọn Thuốc \$0	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Enhanced Diabetes Care Silver với Lựa Chọn Thuốc \$0 + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Everyday Gold	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Everyday Gold + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Focused Silver	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Focused Silver + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Focused VALUE Silver	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Focused VALUE Silver + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Standard Expanded Bronze	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Standard Expanded Bronze + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html

Chương Trình	Danh mục thuốc	Tóm tắt Quyền lợi và Bảo hiểm
Standard Gold	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Standard Gold + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Standard Gold VALUE	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Standard Silver	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Standard Silver + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Standard Silver VALUE	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Standard Silver VALUE + Vision + Adult Dental	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html
Texas Gold	Danh Mục Thuốc Tiêu Chuẩn	https://ambetter.superiorhealthplan.com/2026-brochures.html

THUỐC THEO BẬC CHIA SẺ CHI PHÍ

Bậc	Phần trăm thuốc trong mỗi bậc chia sẻ chi phí:
0	4.64%
1a	20.64%
1b	68.14%
2	1.47%
3	1.87%
4	3.23%

THUỐC THEO TOA ĐƯỢC ĐÀI THỌ NHƯ THẾ NÀO THEO CHƯƠNG TRÌNH

A. THÀNH PHẦN CỦA DANH MỤC THUỐC:

Danh mục thuốc của Ambetter được hướng dẫn theo nguyên tắc về cung cấp khả năng tiếp cận lớn nhất có thể với các loại thuốc ở mức chi phí thấp nhất. Với suy nghĩ đó, chúng tôi bắt đầu áp dụng thang điểm chuẩn bắt buộc của Đạo Luật Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng. Sau đó chúng tôi sẽ xem xét danh mục thuốc để bổ sung các loại thuốc phù hợp và cần thiết về mặt lâm sàng khác. Danh mục thuốc của Ambetter được coi là một danh mục thuốc hạn chế. Điều này có nghĩa là bất kỳ loại thuốc nào không có trong danh mục thuốc đều phải có sự ủy quyền trước. Để đảm bảo rằng các hội viên của chúng tôi có thể tiếp cận các loại thuốc thích hợp, chúng tôi xem xét và cập nhật danh mục thuốc của mình hàng tháng.

B. QUYỀN KHÁNG CÁO

Nếu chúng tôi từ chối yêu cầu Ủy Quyền Trước của quý vị, quý vị có 180 ngày kể từ khi bị từ chối bảo hiểm cho một loại thuốc để nộp đơn kháng cáo, và kháng cáo của quý vị sẽ được giải quyết trong vòng 30 ngày. Trong trường hợp kháng cáo của quý vị thành công, các loại thuốc không chuyên khoa không thuộc danh mục thuốc sẽ được đài thọ theo mức chia sẻ chi phí Bậc 3 (đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm) và các loại thuốc chuyên khoa không thuộc danh mục thuốc sẽ được đài thọ theo mức chia sẻ chi phí Bậc 4 (đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm). Vui lòng tham khảo Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm của cá nhân quý vị để biết thêm thông tin về mức chia sẻ chi phí của mình. Tất cả những điều khoản khác về quyền lợi của quý vị, chẳng hạn như khoản khấu trừ và số tiền tự trả tối đa, áp dụng cho các loại thuốc có trong danh mục thuốc và không có trong danh mục thuốc đã được cung cấp thông qua kháng cáo.

C. DUY TRÌ BẢO HIỂM

Ambetter không thực hiện thay đổi đối với danh mục thuốc cần duy trì bảo hiểm. Tuy nhiên, nếu một thay đổi về danh mục thuốc yêu cầu phải duy trì bảo hiểm, quý vị sẽ có quyền tiếp tục nhận thuốc ở mức hoặc bậc bảo hiểm mà tại đó, thuốc này đã được đài thọ vào thời điểm đầu năm chương trình, cho tới khi chương trình của quý vị được gia hạn.

D. SỬ DỤNG THUỐC KHÔNG THEO HƯỚNG DẪN TRÊN NHÃN

Chúng tôi có đài thọ cho trường hợp sử dụng thuốc không theo hướng dẫn trên nhãn. Việc sử dụng thuốc không theo hướng dẫn trên nhãn chưa được FDA chấp thuận cho tình trạng đó. Việc chi trả bảo hiểm cho một sản phẩm theo chính sách sử dụng thuốc không theo hướng dẫn trên nhãn yêu cầu những điều sau phải đúng:

- Mục đích sử dụng thuốc phải tương ứng với chẩn đoán cụ thể được xác định theo mã ICD-10 VÀ
- Việc sử dụng thuốc không theo hướng dẫn trên nhãn phải được hỗ trợ bởi một nghiên cứu lớn tại nhiều địa điểm hoặc ba nghiên cứu nhỏ hơn được công bố trên tạp chí y khoa, tạp chí y chuyên khoa được bình duyệt uy tín hoặc được liệt kê trong bản tóm tắt có uy tín.

E. CHIA SẺ CHI PHÍ

Chia sẻ chi phí là khoản tiền quý vị cần đóng góp vào dịch vụ chăm sóc của quý vị. Quý vị sẽ cần biết một số mục để xác định mức chia sẻ chi phí mà quý vị chịu trách nhiệm thanh toán. Việc nắm được các mục dưới đây sẽ giúp quý vị ước tính chi phí mà quý vị sẽ phải chịu tại bất kỳ thời điểm nào: quý vị đã thanh toán bao nhiêu cho khoản khấu trừ, số tiền khấu trừ còn lại, loại thuốc quý vị được kê toa và khoản trợ cấp tự chi trả tối đa của quý vị. Quý vị có thể xem tất cả các mục này, ngoại trừ bậc thuốc, trong bản Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm (xem các đường liên kết ở trên). Để xem bậc thuốc của quý vị, vui lòng tham khảo Danh Mục Thuốc. Để xác định mức chia sẻ chi phí của quý vị, vui lòng thực hiện theo các bước sau đây:

- Xác định bậc của loại thuốc/sản phẩm quý vị đang mua bằng cách tham khảo Danh Mục Thuốc..
- Khi quý vị đã xác định được bậc thuốc, hãy sử dụng bản Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm (SBC) để xác định mức chia sẻ chi phí sẽ được áp dụng cho thuốc/sản phẩm đã chọn của quý vị.
- Nếu quý vị chưa đáp ứng khoản khấu trừ của mình, quý vị sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí thuốc cho đến khi quý vị đáp ứng khoản khấu trừ.

- d. Nếu quý vị đã đáp ứng khoản khấu trừ nhưng chưa đáp ứng được Số Tiền Tự Trả Tối Đa, quý vị sẽ phải thanh toán một khoản đồng thanh toán cho các loại thuốc được chỉ định đồng thanh toán theo SBC của quý vị và khoản đồng bảo hiểm cho các loại thuốc được chỉ định đồng bảo hiểm theo SBC của quý vị. Thông thường, quý vị sẽ thanh toán một (1) khoản đồng thanh toán cho mỗi lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày. Hai khoản đồng thanh toán sẽ được tính cho lượng thuốc đủ dùng trong 2 tháng và ba khoản đồng thanh toán sẽ được tính cho lượng thuốc đủ dùng trong 3 tháng.
- e. Để xác định chi phí cho thuốc/sản phẩm đồng bảo hiểm, vui lòng sử dụng công cụ tìm kiếm thuốc trực tuyến của chúng tôi. Vui lòng xem phần “HƯỚNG DẪN TÌM THÔNG TIN VỀ CHI PHÍ CỦA THUỐC THEO TOA” ở trên.

Xin lưu ý rằng yêu cầu bảo hiểm nhà thuốc sẽ chỉ được xử lý nếu quý vị xuất trình toa thuốc của mình cho nhà thuốc trong hệ thống. Các yêu cầu bảo hiểm ngoài hệ thống sẽ không được đài thọ. Để tìm một nhà thuốc trong hệ thống gần quý vị, vui lòng tham khảo công cụ Tìm Nhà Cung Cấp trên trang web của chúng tôi trong mục Tài Nguyên Nhà Thuốc.

Phần chi phí chia sẻ của quý vị cho thuốc điều trị duy trì nhận được qua hình thức Đặt Mua Qua Đường Bưu Điện hoặc tại các nhà thuốc bán lẻ tham gia mạng lưới bán lẻ cung ứng Extended Day của chúng tôi sẽ được tính dựa theo lượng thuốc đủ dùng theo ngày mà quý vị nhận được. Đối với lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày, quý vị sẽ phải trả một (1) khoản đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm, đối với lượng thuốc đủ dùng 31-60 ngày, quý vị sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hai (2) khoản đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm, và đối với lượng thuốc đủ dùng nhiều hơn 60 ngày nhưng ít hơn 91 ngày, quý vị sẽ thanh toán ba (3) khoản đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm. Một số thiết kế quyền lợi có thể cung cấp khoản đồng thanh toán hoặc đồng bảo hiểm thấp hơn cho lượng thuốc đủ dùng trong 61 ngày nhưng ít hơn 91 ngày cho hình thức Đặt Mua Qua Đường Bưu Điện. Vui lòng tham khảo Tóm Tắt Quyền Lợi và Bảo Hiểm (SBC) của quý vị để biết thêm thông tin chi tiết.

D. YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ Y TẾ

Sự Ủy Quyền Trước (PA) – Các loại thuốc có chỉ định PA trong danh mục thuốc cần có Sự Ủy Quyền Trước. Quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị phải yêu cầu sự ủy quyền từ chúng tôi để sử dụng thuốc/sản phẩm này trước khi mua thuốc/sản phẩm đó theo toa.

Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước (ST) – Các loại thuốc có chỉ định ST trên danh mục thuốc yêu cầu quý vị phải dùng thử và không đáp ứng với các sản phẩm khác trong danh mục thuốc trước khi có thể nhận được thuốc/sản phẩm. Khi nhà cung cấp của quý vị cảm thấy việc thử một sản phẩm khác là không phù hợp, nhà cung cấp hoặc quý vị có thể gửi văn bản

Ủy Quyền Trước thông thường để được dùng thuốc/sản phẩm theo Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước.

Giới Hạn Số Lượng (QL) – Các loại thuốc có chỉ định QL trên Danh Mục Thuốc là thuốc có hạn chế theo số lượng được chỉ định. Những giới hạn số lượng này dựa trên liều tối đa mà FDA chấp thuận. Nếu nhà cung cấp của quý vị muốn yêu cầu ngoại lệ đối với những giới hạn đó, họ có thể gửi yêu cầu để nhận Sự Ủy Quyền Trước. Tất cả các yêu cầu đối với ngoại lệ về giới hạn số lượng sẽ được xử lý theo chính sách về sử dụng thuốc Không Theo Hướng Dẫn Trên Nhãn của chúng tôi.

Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc – Các loại thuốc không có trong danh mục thuốc này được coi là thuốc không thuộc danh mục thuốc. Để nhận được thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị sẽ phải gửi yêu cầu thường xuyên để nhận Sự Ủy Quyền Trước. Tất cả các yêu cầu đối với Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc sẽ được xem xét theo Chính Sách về Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc của chúng tôi.

DANH MỤC THUỐC TIÊU CHUẨN

Danh Mục Thuốc Ambetter from Superior HealthPlan, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưa tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRI)		
<i>SUNOSI 150 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>SUNOSI 75 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASSTK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Antirheumatic Antimetabolites		
OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML	3	PA
RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10 MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15 MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25 MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML	3	PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA			
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA			
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Gold Compounds		
AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
Interleukin-1 Blockers		
ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	QL(20 ML per 28 day(s) retail; 20 ML per 28 days mail); SP; PA
ACTEMRA SOSY	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
celecoxib	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)	SUBSYS LIQD 800 MCG	3	QL(8 EA daily); PA
<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)	<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
METHADONE HCL SOLN IJ (<i>methadone hcl</i>)	1B		<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)	Opioid Combinations		
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	Opioid Partial Agonists		
<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
			<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
			<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
			<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANKXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>FASENRA SOSY 30 MG/ML</i>	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	C; QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 GM daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	C; QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	C; QL(15 ML daily)
<i>SPIRIVA RESPIMAT AERS IN</i>	2	C; QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	C; QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
<i>ALVESCO</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	C; QL(4 ML daily); PA	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT</i>	1B	C
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	C
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	C	<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	C; QL(4 ML daily)
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	C; QL(0.8 GM daily)	<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	C; QL(18 ML daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	C	<i>levalbuterol hcl</i>	1B	C
QVAR REDHALER	2	C	<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	C; QL(0.5 GM daily)
Sympathomimetics			PROAIR DIGIHALER	3	
AIRDUO DIGIHALER	3		PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
AIRSUPRA	3		SEREVENT DISKUS	2	C
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	C	STIOLTO RESPIMAT	2	C
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	C	STRIVERDI RESPIMAT	2	C
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	C	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	C
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	C	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	C
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	C; QL(4 ML daily)	TRELEGY ELLIPTA	2	C; QL(2 EA daily)
BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	2	C	<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	C; QL(2 EA daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2		Xanthines		
BREZTRI AEROSPHERE	2	C; QL(0.38 GM daily)	<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B		<i>theophylline SOLN</i>	1B	C; QL(56 ML daily)
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)	<i>theophylline TB12</i>	1B	C
DULERA	2	C	<i>theophylline TB24</i>	1B	C
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B		ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
			Coumarin Anticoagulants		
			<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Direct Factor Xa Inhibitors			<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPB	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)	FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
XARELTO STARTER PACK TBPB	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)	Thrombin Inhibitors		
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)	ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
Heparins And Heparinoid-Like Agents			AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)	<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)	<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)	Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
			<i>clonazepam TABS</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST	DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B		<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2		Succinimides		
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
Carbamates			<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
GABA Modulators			<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>tiagabine hcl</i>	1B		<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Antidepressants - Misc.		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	D+/C
Hydantoins			<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	D+/C
DILANTIN	2		<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		EMSAM	3	QL(1 EA daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
			<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
			<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	D/C
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	D+/C
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	D/C
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	D+/C
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	D/C
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	D/C
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	D+/C
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	D/C
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	D+/C
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)	XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)	Biguanides		
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	D+; QL(2.5 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	D+; QL(5 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	D+; QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Diabetic Other		
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>diazoxide</i>	3	
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	D+; QL(0.035 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	Incretin Mimetic Agents		
			<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily); PA
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
			OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	D
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA	NOVOLOG SOLN IJ	1B	D
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA	REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
Insulin			TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	D
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	TRESIBA SOLN	2	D
APIDRA SOLN	3	PA	Insulin Sensitizing Agents		
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)	<i>pioglitazone hcl</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)	Meglitinide Analogues		
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2		<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2		<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B		<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B		Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B		<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	D	FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	D	JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	D	Sulfonylureas		
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	D	<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
NOVOLIN N SUSP	2	D	<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	D	<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
NOVOLIN R SOLN IJ	2	D	<i>glipizide TB24</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	D	<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D	<i>glyburide TABS</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D	ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
			Antiperistaltic Agents		
			<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ML daily)
Antihistamines - Non-Sedating		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>ciproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>ciproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	D+
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	D+
<i>fosinopril sodium</i>	1B	D+
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	D+
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	D+
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>irbesartan</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>losartan potassium</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	D+
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A	D+
<i>valsartan TABS</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	D+; QL(8 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>guanfacine hcl</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Antihypertensive Combinations			<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)			
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl</i> SOLN	1B	
<i>hydralazine hcl</i> TABS	1B	D+
<i>minoxidil</i> 2.5 MG, 10 MG	1B	D+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole</i> TABS 250 MG, 500 MG	1B	
<i>pentamidine isethionate</i> IN	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim</i> TABS	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> SOLN	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> SUSP	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> TABS	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide</i> TABS	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium</i> IJ	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin</i> 500 MG	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl</i> CAPS	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl</i> SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate</i> SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B		Antimalarials		
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA	<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Oxazolidinones			<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>linezolid SUSR</i>	1B		<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Urinary Anti-infectives			<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B		KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>methenamine hippurate</i>	1B		<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nitrofurantoin</i>	1B		<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B		<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)			ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimalarial Combinations			Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
			<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
			<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
			ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antimycobacterial Agents			TEMODAR SOLR	4	
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B		<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
<i>isoniazid SOLN</i>	1B		ZANOSAR	4	SP; PA
<i>isoniazid SYRP</i>	1B		Antimetabolites		
<i>isoniazid TABS</i>	1A		<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
PRIFTIN	3		<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>pyrazinamide</i>	1B		<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>rifabutin</i>	1B	PA	<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B		<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>rifampin SOLR</i>	1B		<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer			<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
Alkylating Agents			<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4		<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA	INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>melphalan</i>	1B		LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1B				
MYLERAN TABS	4	SP; PA			
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	DAURISMO	4	PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
MVASI	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ZIRABEV	4	PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antineoplastic - Antibodies			<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
LOQTORZI	4	PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
RUXIENCE	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA
TUKYSA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 EA daily); SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA			
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA			
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA			
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA	Antineoplastic Combinations		
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B		KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B		KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ORGOVYX	4	PA	ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
<i>toremifene citrate</i>	1B		BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic - Immunomodulators			IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Antibiotics			<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA			
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA			
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA			

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KYPROLIS	4	PA	TURALIO 125 MG	4	PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	XOSPATA	4	PA
MEKINIST SOLR	4	QL(40 ML daily); PA	ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	MATULANE	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	NIPENT	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	SYNRIBO	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TAFINLAR TBSO	4	QL(30 EA daily); PA	UVADEX	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
TAZVERIK	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
			VORAXAZE	4	SP; PA
			Mitotic Inhibitors		
			<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
			<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
			ETOPOPHOS	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
<i>IXEMPRA KIT 15 MG</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
<i>HYCAMTIN CAPS</i>	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
<i>NEUPRO</i>	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
<i>EQUETRO 300 MG</i>	3	QL(4 EA daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>paliperidone</i>	1B	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)	<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
CABENUVA	3		GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B		ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	3		JULUCA	3	QL(1 EA daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)	KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ML daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
			<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
			NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
			NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
			ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
			PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
RETROVIR SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
SYMTUZA	3	
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY PD TBSO	3	
TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ PD TBSO	3	
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	3	QL(1 EA daily); SP; PA
SOVALDI TABS 200 MG	3	QL(1 EA daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1A	D+
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	D+; QL(8 EA daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	D+
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	D+
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	D+
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	D+
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	D+
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 420 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	D+
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>nifedipine TB24 30 MG</i>	1B	D+
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	D+
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	D+
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<i>ORENITRAM TBCR</i>	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
<i>TYVASO REFILL KIT SOLN IN</i>	4	PA
<i>TYVASO STARTER KIT SOLN IN</i>	4	PA
<i>TYVASO SOLN IN</i>	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl</i> TABS	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil</i> CAPS	1B	
<i>cefadroxil</i> SUSR	1B	
<i>cefadroxil</i> TABS	1B	
<i>cefazolin sodium</i> SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	1B	
<i>cephalexin</i> CAPS	1B	
<i>cephalexin</i> SUSR	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor</i> CAPS	1B	
<i>cefaclor</i> SUSR 250 MG/5ML	1B	
<i>cefotetan disodium</i> IJ 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefoxitin sodium</i> IV 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefprozil</i> SUSR	1B	
<i>cefprozil</i> TABS	1B	
<i>cefuroxime axetil</i> TABS	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefuroxime sodium</i> IJ 750 MG	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir</i> CAPS	1B	
<i>cefdinir</i> SUSR	1B	
<i>cefixime</i> CAPS	1B	
<i>cefixime</i> SUSR	1B	ST
<i>cefpodoxime proxetil</i> SUSR	1B	
<i>cefpodoxime proxetil</i> TABS	1B	
<i>ceftazidime</i> IJ 1 GM, 6 GM	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl</i> SOLR IV 2 GM	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
AVERI TABS PO	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol</i> TABS	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		ANNOVERA	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
LO LOESTRIN FE TABS	0		Copper Contraceptives - IUD		
NATAZIA	0		MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	0	
NEXTSTELLIS	0		PARAGARD INTRAUTERINE COPPER	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		Emergency Contraceptives		
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0		ELLA	0	
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0		Progestin Contraceptives - Implants		
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0		NEXPLANON	0	
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0		Progestin Contraceptives - Injectable		
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		Progestin Contraceptives - IUD		
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		KYLEENA	0	
TYBLUME CHEW	0		LILETTA (52 MG)	0	
Combination Contraceptives - Transdermal			MIRENA (52 MG)	0	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		SKYLA	0	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail; 9 EA per 84 days mail)	Progestin Contraceptives - Oral		
			<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
			OPILL	0	
			SLYND	0	QL(1 EA daily)
			CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetanide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antiseborrheic Products		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
Burn Products		
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SULFAMYLLON CREA	3		<i>calcipotriene- betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
Corticosteroids - Topical			<i>calcipotriene- betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
			<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
			<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)	Eczema Agents		
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
HALOG OINT	3	PA	Emollients		
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	Enzymes - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	SANTYL OINT	3	PA
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	Immunomodulating Agents - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)			
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	D
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	D
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	D
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	D
KETONE TEST STRP	1B	D
KETOSTIX STRP	1B	D
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	D
PRECISION XTRA KETONE	1B	D
RELION KETONE TEST STRP	1B	D
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>furosemide TABS</i>	1A	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure			<i>torsemide TABS</i>	1B	
Carbonic Anhydrase Inhibitors			Potassium Sparing Diuretics		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
Diuretic Combinations			DIURIL SUSP	2	QL(20 ML daily)
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A		<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A		<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
Loop Diuretics			<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B		<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)	ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)	- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
			Bone Density Regulators		
			<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
			<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
			<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
			FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
			<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
			<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA	ZORBTIVE SC	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA	Hormone Receptor Modulators		
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA	OSPHEA	3	PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA	<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA	INCRELEX	4	SP; PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA	LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
TYMLOS	4	PA	FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA	SYNAREL	4	SP; PA
Corticotropin			Metabolic Modifiers		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA	ALDURAZYME	4	SP; PA
ACTHAR GEL	3	PA	<i>betaine</i>	4	SP; PA
Fertility Regulators			<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA	<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA	<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA	<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
GnRH/LHRH Antagonists			<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	ELAPRASE	4	SP; PA
ORILISSA	2	PA	MYALEPT	4	PA
Growth Hormones			<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
GENOTROPIN MINIQUEL PRSY	4	PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
GENOTROPIN CART SC	4	PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
			Posterior Pituitary Hormones		
			<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
			<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
<i>DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin)</i>	2	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
<i>AIMSCO LUBRICATED MISC</i>	0	
<i>CAYA DPRH</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0		TROJAN BARESKIN DEVI	0	
DUREX TROPICAL MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
FEMCAP DEVI	0		TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0		TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	
KIMONO PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	
KIMONO PS PLUS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	
KIMONO PS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
KIMONO SENSATION MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO MISC	0		TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	
MAXX PLUS MISC	0		TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	
MAXX MISC	0		TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0				
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0				
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
Diabetic Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	D; RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	D; RX/OTC
RELION LANCETS	1B	D; RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	D
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	D; QL(5 EA daily)
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail); ST
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
Electrolyte Mixtures			<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B		<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
ISOLYTE-P IN D5W	1B		<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
ISOLYTE-S	1B		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B		MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
NORMOSOL-M IN D5W	1B		Chelating Agents		
NORMOSOL-R PH 7.4	1B		<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B		<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B		Immunomodulators		
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B		<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>ringer's</i>	1B		<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
Fluoride			THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)	Immunosuppressive Agents		
Phosphate			ATGAM	4	SP; PA
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B		AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
Potassium			<i>azathioprine TABS</i>	1B	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)			
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)			
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
			VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
			WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms					
Central Muscle Relaxants					
baclofen TABS				1B	
carisoprodol TABS				1B	
chlorzoxazone TABS 500 MG				1B	QL(6 EA daily)
chlorzoxazone TABS 750 MG				1B	QL(4 EA daily)
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG				1A	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		PRED MILD	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
NATACYN	2		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B		ZYLET	3	PA
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B		Ophthalmic Surgical Aids		
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B		HEALON PRO SOSY	3	PA
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B		PROVISC SOSY	3	PA
<i>trifluridine</i>	1B		Ophthalmics - Misc.		
ZIRGAN GEL	2		ALOCRIAL	3	PA
Ophthalmic Immunomodulators			ALOMIDE	3	PA
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>proparacaine hcl</i>	1B		<i>brinzolamide</i>	1B	
Ophthalmic Steroids			<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)	<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
<i>difluprednate</i>	1B	PA	CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B		<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA	<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA	<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA	<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
MAXIDEX SUSP OP	3	PA	<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i> fingolimod hcl</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
<i>ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG</i>	2	
<i>ARMOUR THYROID TABS</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>EVEXITHROID TABS 180 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
<i>NP THYROID TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)</i>	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
<i>ADACEL SUSP</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML</i>	0	
<i>BOOSTRIX SUSP</i>	0	
<i>BOOSTRIX SUSY</i>	0	
<i>DAPTACEL</i>	0	
<i>INFANRIX</i>	0	
<i>KINRIX SUSY</i>	0	
<i>PEDIARIX SUSY</i>	0	
<i>PENTACEL</i>	0	
<i>QUADRACEL SUSP</i>	0	
<i>QUADRACEL SUSY</i>	0	
<i>TDVAX SUSP</i>	0	
<i>TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU</i>	0	
<i>TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP</i>	0	
<i>VAXELIS SUSP</i>	0	
<i>VAXELIS SUSY</i>	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>NEXIUM 24HR TBEC 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
BEXSERO 0.5 ML	0		COMIRNATY SUSP	0	
CAPVAXIVE	0		COMIRNATY SUSY	0	
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENACTRA	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENQUADFI 0.5 ML	0		FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLN	0		FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENBRAYA	0		FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)	FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOLN	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 13	0		FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA 0.5 ML	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AREXVY	0				
AUDENZ EMUL	0				
AUDENZ PRSY	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL IJ	0	
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MRESVIA	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0		PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
			PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
			PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
			PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
			PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	43	adapalene GEL	35
abacavir sulfate TABS	29	ACTHAR GEL	43	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abacavir sulfate-lamivudine	29	ACTHIB SOLR IM	62	adefovir dipivoxil	30
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	ADEMPAS	33
abiraterone acetate 500 MG	24	acyclovir CAPS	30	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	60
ABRYSVO	62	acyclovir SUSP	30	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	62
acamprosate calcium	58	acyclovir TABS PO	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 62	
acarbose	14	acyclovir topical CREA	38	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	62
acebutolol hcl CAPS	31	acyclovir topical OINT	38	AFLURIA SUSP	62
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	60	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	46
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	7	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	60	AIMOVIG	50
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	3	AIMSCO LUBRICATED MISC	48
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	AIRDUO DIGIHALER	10
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 3		AIRSUPRA	10
acetazolamide CP12	42	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	3	AKYNZEO	17
acetazolamide sodium	42	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	3	albendazole	8
acetazolamide TABS 125 MG	42	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate AERS	10
acetazolamide TABS 250 MG	42	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate NEBU	10
acetic acid (otic)	57	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		albuterol sulfate SYRP	10
acetic acid 0.25 %	46	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	albuterol sulfate TABS	10
acetylcysteine SOLN	35	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	alclometasone dipropionate CREA 39	
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	alclometasone dipropionate OINT .39	
acitretin 25 MG	38	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	ALDURAZYME	43
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	adapalene CREA	35	ALECENSA	25
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4			alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	42
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4				
ACTEMRA SOSY	4				

alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	42	amcinonide OINT	39	amoxicillin TABS	57
alfuzosin hcl	46	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	61
ALINIA SUSR	21	amiloride & hydrochlorothiazide ..	42	amphetamine sulfate TABS	1
aliskiren fumarate	21	amiloride hcl TABS	42	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	46	aminocaproic acid TABS	47	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	51	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9		amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	51	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
ALOCRIL	56	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
alogliptin benzoate	15	amlodipine besylate TABS	31	amphotericin b IV	17
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	ampicillin CAPS 500 MG	57
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin sodium IV 10 GM	57
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	46
ALOMIDE	56	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	24
alosetron hcl	45	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	8
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	9	amoxapine	14	ANGELIQ	44
alprazolam TABS 2 MG	9	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 57		ANNOVERA	34
alprazolam TB24	9	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 57		ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TBDP	9	amoxicillin & pot clavulanate TABS 57		APIDRA SOLN	16
ALTABAX	36	amoxicillin & pot clavulanate TB12 57		APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	57	apomorphine hydrochloride SOCT 27	
alvimopan	45	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 57		aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 17	
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	57	aprepitant CAPS 80 MG	17
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	57	aprepitant CAPS	17
amantadine hcl TABS	27			APTIVUS CAPS	29
ambrisentan	32			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN	

25 MCG/ML	47	atenolol TABS	31	azithromycin TABS 500 MG	48
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	47	ATGAM	52	azithromycin TABS 600 MG	48
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	47	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	aztreonam 1 GM	22
ARCALYST	4	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	55
AREXVY	62	atorvastatin calcium TABS	19	baclofen TABS	54
arformoterol tartrate	10	atovaquone	21	balsalazide disodium CAPS	45
ARIKAYCE	2	atovaquone-proguanil hcl	22	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
aripiprazole SOLN PO	28	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	55	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
aripiprazole TABS	28	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	60	BAXDELA SOLR	44
armodafinil	1	ATROVENT HFA	9	BAXDELA TABS	44
ARMOUR THYROID TABS	60	AUDENZ EMUL	62	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 50	
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation)) ...	10	AUDENZ PRSY	62	BELSOMRA	48
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	AURANOFIN 3 MG	4	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
ARZERRA	24	AUSTEDO TABS	58	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
ascorbic acid SOLN IJ	65	avanafil	32	benazepril hcl	19
asenapine maleate 2.5 MG	28	AVERI TABS PO	33	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 35	
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	28	AVONEX PEN AJKT	58	BENZEPRO FOAM 5.3 %	36
aspirin CHEW	5	AVONEX PREFILLED PSKT	58	benzonatate 100 MG	35
aspirin TABS 325 MG	5	azacitidine SUSR	23	benzonatate 150 MG	35
aspirin TBEC 325 MG	5	AZATHIOPRINE SODIUM	52	benzonatate 200 MG	35
aspirin TBEC 81 MG	5	azathioprine TABS	52	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	36
aspirin-dipyridamole	46	azelaic acid GEL	41	benzoyl peroxide GEL 10 %	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azelastine hcl (ophth)	56	benzoyl peroxide GEL 5 %	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	29	azelastine hcl	55	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .	36
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin PACK	48	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 36	
		azithromycin SUSR	48		
		azithromycin TABS 250 MG	48		

benztropine mesylate TABS27	BIKTARVY29	budesonide (nasal)55
bepotastine besilate56	bimatoprost SOLN 57	budesonide CPEP 35
BESIVANCE55	bisacodyl SUPP48	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10
betaine43	bisacodyl TBEC48	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...42
betamethasone dipropionate (topical) CREA39	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	bumetanide TABS42
betamethasone dipropionate (topical) LOTN39	bisoprolol fumarate31	buprenorphine hcl SOLN7
betamethasone dipropionate (topical) OINT39	bleomycin sulfate 15 UNIT25	buprenorphine hcl SUBL7
betamethasone dipropionate augmented CREA39	BOOSTRIX SUSP 60	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG7
betamethasone dipropionate augmented LOTN39	BOOSTRIX SUSY 60	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG7
betamethasone dipropionate augmented OINT39	bortezomib SOLR IJ 25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL7
betamethasone valerate CREA ...39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..25	buprenorphine PTWK7
betamethasone valerate FOAM ...39	bosentan TABS 125 MG32	bupropion hcl (smoking deterrent) 59
betamethasone valerate LOTN39	bosentan TABS 62.5 MG32	bupropion hcl TABS13
betamethasone valerate OINT39	bosentan TBSO 32 MG32	bupropion hcl TB12 13
BETASERON KIT58	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)10	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG13
betaxolol hcl (ophth) SOLN55	BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH10	buspirone hcl 5 MG 8
betaxolol hcl31	BREZTRI AEROSPHERE10	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG8
bethanechol chloride 25 MG61	brimonidine tartrate (topical)41	busulfan SOLN23
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG61	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 55	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG 5
bexarotene (topical)37	brimonidine tartrate-timolol maleate . 55	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG 5
bexarotene26	brinzolamide56	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG 5
BEXSERO 0.5 ML 62	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...12	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG5
BEYFORTUS57	bromfenac sodium (ophth)56	butalbital-acetaminophen-caffeine w/
bicalutamide24	bromocriptine mesylate CAPS27	
BIJUVA44	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG27	
	budesonide (inhalation) SUSP10	
	budesonide (intrarectal) 8	

codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	7	hydrochlorothiazide	20	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	33
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	7	capecitabine	23	cefadroxil CAPS	33
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	CAPRELSA	25	cefadroxil SUSR	33
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	7	captopril 12.5 MG	19	cefadroxil TABS	33
butenafine hcl	36	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	CAPVAXIVE	62	cefdinir CAPS	33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CHEW 100 MG ...	12	cefdinir SUSR	33
CABENUVA	29	carbamazepine CP12 100 MG	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	33
cabergoline	44	carbamazepine CP12 200 MG	12	cefixime CAPS	33
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefixime SUSR	33
calcipotriene CREA	38	carbamazepine SUSP	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
calcipotriene OINT	38	carbamazepine TABS	12	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefpodoxime proxetil SUSR	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefpodoxime proxetil TABS	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	39	carbidopa	27	cefprozil SUSR	33
calcitonin (salmon) NA	42	carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil TABS	33
calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa TBCR	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	33
calcitriol CAPS	43	carbidopa-levodopa TBDP	27	cefuroxime axetil TABS	33
calcitriol SOLN IV	43	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27	cefuroxime sodium IJ 750 MG	33
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	45	carbinoxamine maleate SOLN	18	celecoxib	4
calcium acetate (phosphate binder) TABS	45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18	cephalexin CAPS	33
calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carisoprodol TABS	54	cephalexin SUSR	33
calcium polycarbophil TABS	48	carmustine	23	CERDELGA	47
candesartan cilexetil	19	carteolol hcl (ophth)	55	cetirizine hcl TABS	18
candesartan cilexetil-		carvedilol	31	cevimeline hcl	53
		carvedilol phosphate	31	CHEMET	17
		CAYA DPRH	48	CHEMSTRIP K STRP	41
		CAYSTON	22	chloramphenicol sodium succinate	21
		cefaclor CAPS	33	chlordiazepoxide hcl CAPS	9

chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide60	cimetidine TABS 60	SWAB36
chlordiazepoxide-amitriptyline58	cinacalcet hcl43	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML21
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)53	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN56	clindamycin phosphate vaginal CREA64
chloroquine phosphate TABS 250 MG22	ciprofloxacin hcl (otic)57	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)36
chloroquine phosphate TABS 500 MG22	ciprofloxacin hcl TABS44	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %36
chlorpromazine hcl SOLN28	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 44	clindamycin phosphate-tretinoin ..36
chlorpromazine hcl TABS28	ciprofloxacin-dexamethasone57	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .55
chlorthalidone 25 MG, 50 MG42	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 57	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...55
chlorzoxazone TABS 500 MG54	cisplatin SOLN 100 MG/100ML23	clobazam SUSP11
chlorzoxazone TABS 750 MG54	citalopram hydrobromide SOLN ...14	clobazam TABS11
cholecalciferol CAPS64	citalopram hydrobromide TABS ...14	clobetasol propionate CREA 0.05 % . 39
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT64	clarithromycin SUSR48	clobetasol propionate emollient base 0.05 %39
cholestyramine light PACK18	clarithromycin TABS48	clobetasol propionate FOAM39
cholestyramine light POWD18	clarithromycin TB2448	clobetasol propionate GEL 0.05 % 39
cholestyramine PACK19	CLASSIC PRENATAL TABS53	clobetasol propionate OINT 0.05 % 39
cholestyramine POWD19	clemastine fumarate SYRP18	clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 39
choline fenofibrate19	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	clocortolone pivalate39
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43	CLIMARA PRO44	clofarabine23
ciclopirox GEL37	clindamycin hcl21	clomiphene citrate TABS43
ciclopirox olamine CREA37	clindamycin palmitate hydrochloride . 21	clomipramine hcl14
ciclopirox olamine SUSP37	clindamycin phosphate (topical) FOAM36	clonazepam TABS11
ciclopirox SHAM37	clindamycin phosphate (topical) GEL 36	clonidine hcl (adhd) TB121
ciclopirox SOLN37	clindamycin phosphate (topical) LOTN36	clonidine hcl TABS20
cidofovir30	clindamycin phosphate (topical) SOLN36	
cilostazol46	clindamycin phosphate (topical)	
CIMDUO29		

clonidine PTWK	20	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	25	MG	54
clopidogrel bisulfate 300 MG	46	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	25	cyclophosphamide CAPS	23
clopidogrel bisulfate 75 MG	46	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	62	cyclophosphamide SOLR IJ	23
clorazepate dipotassium TABS	9	COMIRNATY SUSP	62	cycloserine	23
clotrimazole (topical) CREA	37	COMIRNATY SUSY	62	cyclosporine (ophth) EMUL	56
clotrimazole (topical) SOLN	37	COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)	29	cyclosporine CAPS	53
clotrimazole	53	CORDRAN TAPE	39	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	52
clotrimazole vaginal CREA 1 %	64	CORTISPORIN-TC	57	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	52
clotrimazole w/ betamethasone CREA	37	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 38		cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	53
clotrimazole w/ betamethasone LOTN	37	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	38	cyproheptadine hcl SYRP	18
clozapine TABS	28	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	38	cyproheptadine hcl TABS	18
clozapine TBDP 100 MG	28	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38	CYSTAGON CAPS	46
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 28		COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38	CYSTARAN	56
clozapine TBDP 25 MG	28	COSENTYX UNOREADY SOAJ ...	38	dabigatran etexilate mesylate CAPS .	11
COARTEM	22	CREON CPEP	41	dactinomycin	25
codeine sulfate TABS 30 MG	5	CRESEMBA CAPS 186 MG	18	dalfampridine	58
CODEINE SULFATE TABS	5	cromolyn sodium (ophth)	56	danazol CAPS	8
colchicine TABS	46	cromolyn sodium NEBU	9	dantrolene sodium CAPS	55
colchicine w/ probenecid	46	crotamiton LOTN	41	dapagliflozin propanediol	16
colesevelam hcl PACK	19	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	53	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	14
colesevelam hcl TABS	19	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	47	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	15
colestipol hcl GRAN	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10		dapsone	21
colestipol hcl PACK	19			DAPTACEL	60
colestipol hcl TABS	19			daptomycin 500 MG	21
COMBIPATCH PTTW	44			darifenacin hydrobromide	61
COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10			darunavir TABS	29
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	25			dasatinib	25

DAURISMO	24	desonide LOTN	39	diazepam CONC	9
decitabine	23	desonide OINT	39	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	9
deferasirox PACK	17	desoximetasone CREA 0.25 % ...	39	diazepam TABS	9
deferasirox TABS	17	desoximetasone GEL	39	diazoxide	15
deferasirox TBSO	17	desoximetasone OINT 0.25 %	39	diclofenac epolamine PTCH EX ...	37
deflazacort TABS	35	desvenlafaxine succinate	14	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4
DELSTRIGO	29	dexamethasone ELIX	35	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	37
demeclocycline hcl TABS	59	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35	diclofenac sodium (ophth)	56
DEPO-ESTRADIOL	44	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	56	diclofenac sodium (topical) GEL EX	37
DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone SOLN	35	diclofenac sodium TB24	4
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	34	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35	diclofenac sodium TBEC	4
DESCOVY 200 MG-25 MG	29	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4
desipramine hcl TABS	14	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35	dicloxacillin sodium	58
desloratadine TABS	18	dexlansoprazole	61	dicyclomine hcl CAPS	60
desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexmethylphenidate hcl CP24	1	dicyclomine hcl SOLN PO	60
desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexmethylphenidate hcl TABS	1	dicyclomine hcl TABS	60
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	DIFFERIN LOTN	36
desmopressin acetate spray	43	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 48	
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	43	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .	1	diflorasone diacetate CREA	39
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44		dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	diflorasone diacetate OINT	39
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44		DIACOMIT CAPS 250 MG	12	diflunisal TABS	5
desogestrel & ethinyl estradiol	33	DIACOMIT CAPS 500 MG	12	difluprednate	56
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	33	DIACOMIT PACK 250 MG	12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	32
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	33	DIACOMIT PACK 500 MG	12	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	32
desonide CREA	39	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	51
				dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	51

DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	dipyridamole	46	MG, 100 MG	59
DILANTIN	13	disopyramide phosphate CAPS	9	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	60
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	disulfiram	58	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	60
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	DIURIL SUSP	42	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	60
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	divalproex sodium TB24	13	doxycycline hyclate CAPS	60
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	31	divalproex sodium TBEC	13	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	60
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	31	docetaxel CONC 20 MG/ML	26	doxylamine-pyridoxine TBEC	17
diltiazem hcl CP12	31	docusate calcium	48	dronabinol CAPS	17
diltiazem hcl CP24	31	docusate sodium CAPS 100 MG ..	48	drospirenone-ethinyl estradiol	33
diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	31	docusate sodium CAPS 250 MG ..	48	drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	33
diltiazem hcl extended release beads 420 MG	31	dofetilide	9	DROXIA CAPS	47
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	31	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	58	DUAVEE	44
DILTIAZEM HCL SOLR	31	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	58	DULERA	10
diltiazem hcl TABS	31	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	58	duloxetine hcl CPEP	14
diltiazem hcl TB24	31	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 58		DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 40	
dimethyl fumarate CDPK	58	dorzolamide hcl	56	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	40
dimethyl fumarate CPDR	58	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	55	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 40	
DIPENTUM	45	DOVATO	29	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	40
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxazosin mesylate	20	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	49
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl (antipruritic)	38	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	49
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18	doxepin hcl (sleep)	47	DUREX TROPICAL MISC	49
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxepin hcl CAPS	14	dutasteride	46
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxepin hcl CONC	14	dutasteride-tamsulosin hcl	46
		doxercalciferol CAPS	43	econazole nitrate CREA	37
		doxercalciferol SOLN	43		
		doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25		
		doxycycline (monohydrate) CAPS 50			

EDARBI	20	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 50	50	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11
EDURANT	29	EMGALITY SOAJ	50	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11
efavirenz CAPS 200 MG	29	EMGALITY SOSY	50	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11
efavirenz CAPS 50 MG	29	EMSAM	13	entacapone	27
efavirenz TABS	29	emtricitabine CAPS	29	entecavir TABS	30
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	29	EPIDIOLEX	12
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	29	epinastine hcl (ophth)	56
ELAPRASE	43	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	64
electrolyte-148	52	EMTRIVA SOLN	29	eplerenone	21
electrolyte-a	52	EMVERM CHEW	8	epoprostenol sodium	32
ELESTRIN GEL	44	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	20	eptifibatide 200 MG/100ML	46
eletriptan hydrobromide	51	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	20	EQL PRENATAL FORMULA TABS 53	53
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	enalapril maleate TABS	19	EQUETRO 100 MG	28
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENBREL MINI SOCT	5	EQUETRO 200 MG	28
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	11	ENBREL SOLN	5	EQUETRO 300 MG	27
ELIQUIS TABS	11	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	5	ERBITUX	24
ELLA	34	ENBREL SOSY 50 MG/ML	5	ergocalciferol CAPS	64
ELMIRON CAPS	46	ENBREL SURECLICK SOAJ	5	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	64
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	47	ENERGIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	62	ergoloid mesylates TABS	59
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	47	ENERGIX-B SUSY	62	ERGOMAR SUBL	51
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	50	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	50
EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	50	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	eribulin mesylate	26
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	50	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ERIVEDGE	24
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	50			ERLEADA 240 MG	24
EMCYT	24			ERLEADA 60 MG	24
				erlotinib hcl	24
				ERTACZO	37

ertapenem sodium IJ	21	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	44	famotidine in nacl SOLN	61
erythromycin (acne aid) PADS	36	eszopiclone	47	famotidine SUSR	61
erythromycin (acne aid) SOLN	36	ethacrynic acid	42	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	61
erythromycin (ophth)	56	ethambutol hcl TABS	23	FANAPT	28
erythromycin base CPEP	48	ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK A	28
erythromycin base TABS	48	ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	49
erythromycin base TBEC	48	ethynodiol diacet & eth estrad	33	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	49
erythromycin ethylsuccinate SUSR	48	etodolac CAPS	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16
erythromycin ethylsuccinate TABS	48	etodolac TABS	4		16
escitalopram oxalate SOLN	14	etonogestrel-ethinyl estradiol	34	FASENRA PEN SOAJ	9
escitalopram oxalate TABS	14	ETOPOPHOS	26	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12	etoposide CAPS	27	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	61	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27	FC2 FEMALE CONDOM	49
esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	61	etravirine 100 MG	29	febuxostat	46
esomeprazole magnesium TBEC ..	61	etravirine 200 MG	29	felbamate SUSP	13
estazolam	47	EUCRISA	41	felbamate TABS 400 MG	13
esterified estrogens & methyltestosterone	44	EVAMIST SOLN	44	felbamate TABS 600 MG	13
estradiol & norethindrone acetate TABS	44	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	53	felodipine	31
estradiol GEL	44	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	53	FEMCAP DEVI	49
estradiol PTTW	44	everolimus TABS	25	FEMLYV TBDP	33
estradiol PTWK	44	EVEXITHROID TABS 180 MG	60	FEMRING	64
estradiol TABS	44	EVOTAZ	29	fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG	19
estradiol vaginal CREA	64	exemestane	24	fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19
estradiol vaginal TABS	64	ezetimibe	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
estradiol valerate	44	ezetimibe-simvastatin	18	fenoprofen calcium TABS	4
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR ..	64	famciclovir 125 MG, 250 MG	30	FENSOLVI (6 MONTH) SC	43
		famciclovir 500 MG	30	fentanyl citrate LPOP	5

fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl SOLN	14
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	47	flucytosine	18	fluoxetine hcl TABS	14
ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	47	fludarabine phosphate SOLN	23	fluphenazine hcl CONC	28
ferrous sulfate TBEC 325 MG	47	fludarabine phosphate SOLR	23	fluphenazine hcl ELIX	28
fesoterodine fumarate	61	fludrocortisone acetate TABS	35	fluphenazine hcl SOLN	28
FETZIMA CP24	14	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 63		fluphenazine hcl TABS	28
FETZIMA TITRATION C4PK	14	FLULAVAL SUSY	63	flurandrenolide CREA	40
fidaxomicin TABS 200 MG	48	FLUMIST	63	flurandrenolide LOTN	40
finasteride	46	FLUMIST QUADRIVALENT	63	flurazepam hcl	47
fingolimod hcl	58	flunisolide (nasal)	55	flurbiprofen sodium	56
FIRMAGON (240 MG DOSE)	24	fluocinolone acetonide (otic)	57	flurbiprofen TABS	4
FIRMAGON 80 MG	24	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 39		fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	10
flavoxate hcl	61	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	39	fluticasone furoate-vilanterol	10
flecainide acetate	9	fluocinolone acetonide OIL	39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	10
floxuridine	23	fluocinolone acetonide OINT	40	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 55	
FLUAD	62	fluocinolone acetonide SOLN	40	fluticasone propionate CREA 0.05 % 40	
FLUAD QUADRIVALENT	62	fluocinonide CREA 0.05 %	40	fluticasone propionate hfa	10
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY 62		fluocinonide CREA 0.1 %	40	fluticasone propionate LOTN	40
FLUARIX SUSY	62	fluocinonide emulsified base	40	fluticasone propionate OINT	40
FLUBLOK QUADRIVALENT	62	fluocinonide GEL	40	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
FLUBLOK SOSY	62	fluocinonide OINT	40	fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	62	fluocinonide SOLN	40	fluticasone-salmeterol AERO	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	62	fluorometholone (ophth) SUSP	56	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19
FLUCELVAX SUSP	62	fluorouracil (topical) CREA 5 %	37		
FLUCELVAX SUSY	63	fluorouracil (topical) SOLN	37		
fluconazole SUSR	18	fluorouracil 500 MG/10ML	23		
		fluoxetine hcl CAPS	14		
		fluoxetine hcl CPDR	14		

fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER50	gefitinib24
fluvoxamine maleate TABS14	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR50	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG23
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT63	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR50	gemfibrozil TABS19
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY63	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..50	GENOTROPIN CART SC43
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 63	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..50	GENOTROPIN MINIQUEL PRSY 43
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 63	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR50	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2
FLUZONE SUSP63	FREESTYLE LIBRE 3 READER ..50	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..56
FLUZONE SUSY63	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..50	gentamicin sulfate (topical) CREA .36
FML FORTE SUSP56	FREESTYLE LIBRE READER50	gentamicin sulfate (topical) OINT ..36
folic acid TABS47	frovatriptan succinate51	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML2
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	FT PRENATAL TABS53	GENVOYA29
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	fulvestrant SOSY24	GILOTRIF24
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML42	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 58
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	furosemide TABS42	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 58
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST41	FUZEON SOLR29	GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ...23
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON41	gabapentin CAPS12	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine)23
formoterol fumarate NEBU10	gabapentin SOLN12	glimepiride 1 MG, 2 MG16
FOSAMAX PLUS D42	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	glimepiride 4 MG16
fosamprenavir calcium TABS29	galantamine hydrobromide CP24 ..58	glipizide TABS 5 MG, 10 MG16
fosfomycin tromethamine22	galantamine hydrobromide SOLN .58	glipizide TB2416
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide20	galantamine hydrobromide TABS .58	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG15
fosinopril sodium19	ganciclovir sodium SOLR30	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG15
fosphenytoin sodium13	ganirelix acetate43	GLUCAGEN DIAGNOSTIC41
FRAGMIN SOSY11	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML63	glucagon SOLR IJ 1 MG15
	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML63	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG,
	gatifloxacin (ophth)56	

6 MG	16	haloperidol decanoate	28	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glyburide TABS	16	haloperidol lactate CONC	28	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	haloperidol lactate SOLN	28	HYCANTIN CAPS	27
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	haloperidol TABS	28	hydralazine hcl SOLN	21
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	63	hydralazine hcl TABS	21
glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 60	60	HEALON PRO SOSY	56	hydrochlorothiazide CAPS	42
glycopyrrolate TABS 1 MG	60	HEMANGEOL SOLN PO	31	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 42	42
glycopyrrolate TABS 2 MG	60	HEMATINIC/FOLIC ACID	47	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	42
GLYXAMBI	15	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	11	hydrocodone bitartrate CP12	5
GNP PRENATAL TABS	54	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone bitartrate T24A	5
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	53	HEPLISAV-B SOSY	63	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .	35
GOHIBIC	46	HIBERIX SOLR IJ	62	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	7
GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	41	HUMATROPE CART IJ	43	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	7
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	7
granisetron hcl TABS	17	HUMIRA (2 PEN) AJKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
GRASTEK SUBL	2	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
griseofulvin microsize SUSP	18	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7
griseofulvin microsize TABS	18	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7
griseofulvin ultramicrosize	18	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	8
guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3		
guanfacine hcl	20	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3		
GYNAZOLE-1	64	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	3		
HAEGARDA SOLR SC	46				
halcinonide CREA	40				
halobetasol propionate CREA	40				
halobetasol propionate OINT	40				
HALOG OINT	40				

hydrocortisone (rectal) EX8	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ...8	INCRUSE ELLIPTA9
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %40	hydroxyzine hcl SYRP8	indapamide TABS 1.25 MG42
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40	hydroxyzine hcl TABS8	indapamide TABS 2.5 MG42
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %40	hydroxyzine pamoate CAPS8	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4
hydrocortisone acetate (rectal)8	HYPERSAL NEBU35	indomethacin CPCR4
hydrocortisone butyrate CREA40	HYQVIA57	INFANRIX60
hydrocortisone butyrate OINT40	ibandronate sodium SOLN42	INFLECTRA SOLR45
hydrocortisone butyrate SOLN40	ibandronate sodium TABS42	INLYTA23
hydrocortisone sod succinate 100 MG35	IBRANCE CAPS25	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 16
hydrocortisone TABS35	IBRANCE TABS25	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 16
hydrocortisone vaginal64	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN16
hydrocortisone valerate CREA40	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN16
hydrocortisone valerate OINT40	ibuprofen TABS 800 MG4	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN16
hydrocortisone w/acetic acid57	icatibant acetate SOSY46	INSULIN LISPRO SOLN IJ16
hydromorphone hcl LIQD6	ICLUSIG25	INTELENCE 25 MG29
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 6	icosapent ethyl 1 GM18	IONOSOL-MB IN D5W52
hydromorphone hcl TABS6	idarubicin hcl 20 MG/20ML25	IPOL IJ63
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...6	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML25	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 55
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG6	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML23	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 55
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	ifosfamide SOLR23	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .9
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	imatinib mesylate TABS25	ipratropium-albuterol SOLN10
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22	imipramine hcl TABS14	irbesartan20
hydroxyurea26	imipramine pamoate14	irbesartan-hydrochlorothiazide20
	imiquimod 5 %41	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML27
	IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML51	irrigation solutions, physiological ..53
	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML51	
	INCRELEX43	

ISENTRESS CHEW29	JYNNEOS63	49
ISENTRESS HD TABS29	KALETRA SOLN29	KIMONO SPECIAL DEVI49
ISENTRESS TABS29	KALYDECO TABS59	KINRIX SUSY60
ISOLYTE-P IN D5W52	KAMELEON LUBRICATED MISC .49	KISQALI (200 MG DOSE)25
ISOLYTE-S52	KANJINTI24	KISQALI (400 MG DOSE)25
isoniazid SOLN23	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40	KISQALI (600 MG DOSE)25
isoniazid SYRP23	MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .
isoniazid TABS23	dextrose & sodium chloride)52	25
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	KCL-LACTATED RINGERS-D5W 52	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .
MG, 20 MG, 30 MG8	ketoconazole (topical) CREA37	25
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .37	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .
32	ketoconazole18	25
isosorbide mononitrate TABS8	KETONE TEST STRP41	KP PRENATAL MULTIVITAMINS
isosorbide mononitrate TB248	ketoprofen CAPS 50 MG4	TABS54
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	ketorolac tromethamine (ophth) ...56	KRINTAFEL22
40 MG36	ketorolac tromethamine TABS4	KYLEENA34
isradipine CAPS31	KETOSTIX STRP41	KYPROLIS26
itraconazole CAPS18	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	labetalol hcl SOLN31
itraconazole SOLN18	56	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .
ivabradine hcl TABS33	KEVZARA SOAJ4	31
ivermectin (pediculicide)41	KEVZARA SOSY4	labetalol hcl TABS 300 MG31
ivermectin8	KIMONO COLORS DEVI49	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50
IXEMPRA KIT 15 MG27	KIMONO MAXX-LARGE FLARE	MG/5ML, 100 MG/10ML12
JAKAFI25	MISC49	lacosamide TABS12
JANUMET TABS15	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC .	lactated ringer's (irrigation)53
JANUMET XR TB24 1000 MG-100	49	lactic acid (ammonium lactate) CREA
MG15	KIMONO MISC49	40
JANUMET XR TB24 1000 MG-50	KIMONO PLUS MISC49	lactic acid (ammonium lactate) LOTN
MG, 500 MG-50 MG15	KIMONO PS MISC49	12 %40
JANUVIA15	KIMONO PS PLUS MISC49	lactulose (encephalopathy)45
JARDIANCE16	KIMONO SENSATION MISC49	lactulose SOLN48
JULUCA29	KIMONO SENSATION PLUS MISC	lamivudine (hbv) TABS30
		lamivudine SOLN29

lamivudine TABS 150 MG29	leucovorin calcium TABS26	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)34
lamivudine TABS 300 MG29	LEUKERAN23	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34
lamivudine-zidovudine29	LEUKINE SOLR IJ47	levorphanol tartrate TABS 2 MG6
lamotrigine CHEW 25 MG12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML24	levothyroxine sodium TABS60
lamotrigine CHEW 5 MG12	levalbuterol hcl10	LEXIVA SUSP29
lamotrigine TABS12	levalbuterol tartrate10	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...53
lamotrigine TBDP12	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...53
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)32	levetiracetam TABS 1000 MG12	lidocaine hcl GEL 2 %41
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)32	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG12	lidocaine hcl PRSY41
lansoprazole CPDR 15 MG61	levetiracetam TABS 500 MG12	lidocaine hcl SOLN41
lansoprazole CPDR 30 MG61	levetiracetam TB2412	lidocaine PTCH 5 %41
lanthanum carbonate CHEW45	levobunolol hcl 0.5 %55	lidocaine-prilocaine CREA41
lapatinib ditosylate26	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	LILETTA (52 MG)34
LASTACRAFT57	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	lincomycin hcl21
latanoprost SOLN57	levofloxacin (ophth) 0.5 %56	linezolid SUSR22
leflunomide5	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 44	linezolid TABS22
LEMTRADA58	levofloxacin SOLN PO44	LINZESS45
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG52	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 44	liothyronine sodium SOLN60
lenalidomide 20 MG52	levofloxacin TABS 500 MG44	liothyronine sodium TABS60
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 33	liraglutide15
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG34	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .24	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)33	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG34	lisinopril & hydrochlorothiazide20
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .24		lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG19
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .24		lithium27
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..24		lithium carbonate CAPS27
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..24		lithium carbonate TABS27
letrozole24		
leucovorin calcium SOLR26		

lithium carbonate TBCR 27	loxapine succinate 28	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM 34
LO LOESTRIN FE TABS 34	lubiprostone 45	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM 34
lofexidine hcl 58	luliconazole 37	medroxyprogesterone acetate 10 MG 58
LOKELMA 53	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG 26	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG 58
lomustine 10 MG 23	LUMAKRAS 320 MG 26	mefenamic acid CAPS 4
lomustine 40 MG, 100 MG 23	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM 24	mefloquine hcl 22
loperamide hcl CAPS 17	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM 24	megestrol acetate (appetite) 58
lopinavir-ritonavir SOLN 29	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 24	megestrol acetate SUSP 25
lopinavir-ritonavir TABS 29	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 25	megestrol acetate TABS 25
LOQTORZI 24	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 28	MEKINIST SOLR 26
loratadine CAPS 18	lurasidone hcl 80 MG 28	MEKINIST TABS 0.5 MG 26
loratadine CHEW 18	LYNPARZA TABS 26	MEKINIST TABS 2 MG 26
loratadine SOLN 18	LYSODREN 25	meloxicam TABS 4
loratadine TABS 18	mafenide acetate PACK 38	melphalan 23
loratadine TBDP 18	malathion 41	melphalan hcl IV 23
lorazepam CONC 9	maraviroc TABS 150 MG 29	memantine hcl TABS 58
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 9	maraviroc TABS 300 MG 29	MENACTRA 62
lorazepam TABS 1 MG 9	MARPLAN 13	MENEST 2.5 MG 44
LORBRENA 26	MASONATAL TABS 54	MENOSTAR PTWK 44
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG 20	MATRONEX TABS 54	MENQUADFI 0.5 ML 62
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20	MATULANE 26	MENVEO SOLN 62
losartan potassium 20	MAXIDEX SUSP OP 56	MENVEO SOLR 62
LOTEMAX OINT 56	MAXX MISC 49	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 6
loteprednol etabonate GEL 56	MAXX PLUS MISC 49	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML 6
loteprednol etabonate SUSP 56	meclizine hcl TABS 12.5 MG 17	meperidine hcl TABS 50 MG 6
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19	meclizine hcl TABS 25 MG 17	meprobamate 8
lovastatin TABS 40 MG 19	meclofenamate sodium CAPS 4	
	MEDROL TABS 35	

mercaptopurine TABS	23	methotrexate sodium SOLR	23	methylprednisolone TABS	35
mesalamine CP24	45	methotrexate sodium TABS 2.5 MG		methylprednisolone TBPk	35
mesalamine CPDR	45	23		methyltestosterone TABS	8
mesalamine ENEM	45	methoxsalen rapid	38	metoclopramide hcl SOLN IJ 5	
mesalamine SUPP	45	methscopolamine bromide	60	MG/ML	45
mesalamine TBEC 1.2 GM	45	methsuximide	13	metoclopramide hcl SOLN PO 5	
mesalamine TBEC 800 MG	45	methyl dopa TABS	20	MG/5ML, 10 MG/10ML	45
metaxalone 800 MG	55	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .	1	metoclopramide hcl TABS	45
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG	1	metolazone	42
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	1	metoprolol & hydrochlorothiazide	
metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20		TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100	
metformin hcl TB24 500 MG	15	MG, 40 MG, 60 MG	1	MG	20
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	1	metoprolol & hydrochlorothiazide	
methadone hcl CONC	6	methylphenidate hcl CP24	1	TABS 25 MG-50 MG	20
METHADONE HCL SOLN IJ		methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol succinate TB24 200 MG	
(methadone hcl)	6	methylphenidate hcl CPCr	2	31	
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .	6	methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol succinate TB24 25 MG,	
methadone hcl SOLN PO 10		methylphenidate hcl TABS 10 MG,		50 MG, 100 MG	31
MG/5ML	6	20 MG	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5	
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML		methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2	MG/5ML	31
6		methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27		metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50	
methadone hcl TABS 10 MG	6	MG	2	MG, 100 MG	31
methadone hcl TABS 5 MG	6	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54		metronidazole (topical) CREA	41
methadone hcl TBSO	6	MG	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 %	
methamphetamine hcl	1	methylphenidate hcl TBCr 10 MG,		41	
methazolamide TABS	42	20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41
methenamine hippurate	22	methylphenidate hcl TBCr 18 MG,		metronidazole (topical) LOTN	41
methimazole TABS	60	27 MG	2	metronidazole TABS 250 MG, 500	
methocarbamol TABS 500 MG, 750		methylphenidate hcl TBCr 36 MG,		MG	21
MG	55	54 MG	2	metronidazole vaginal	64
methotrexate sodium SOLN 50		methylphenidate PTCH	2	mexiletine hcl	9
MG/2ML, 250 MG/10ML	23	methylprednisolone acetate SUSP	35	miconazole nitrate vaginal SUPP 200	
		methylprednisolone sod succ 40 MG,		MG	64
		125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	midodrine hcl	64

miglitol	14	mometasone furoate CREA	40	nabumetone	4
miglustat	47	mometasone furoate OINT	40	nadolol TABS 20 MG	31
minocycline hcl CAPS	60	mometasone furoate SOLN	40	nadolol TABS 40 MG	31
minocycline hcl TABS	60	montelukast sodium CHEW	9	nadolol TABS 80 MG	31
minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	montelukast sodium PACK	9	nafcillin sodium IV 10 GM	58
mirabegron TB24	61	montelukast sodium TABS	9	naftifine hcl CREA 1 %	37
MIRCERA	47	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	6	naftifine hcl CREA 2 %	37
MIRENA (52 MG)	34	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	6	naloxone hcl LIQD	17
mirtazapine TABS	13	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML	6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	17
mirtazapine TBDP	13	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML	6	naltrexone hcl	17
misoprostol	61	morphine sulfate TABS	6	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4
mitomycin SOLR IV 20 MG	25	morphine sulfate TBCR	6	naproxen SUSP	4
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	25	MOTOFEN	17	naproxen TABS	4
MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	34	MOVANTIK	45	naproxen TBEC 500 MG	4
M-M-R II SOLR	63	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	56	naratriptan hcl	51
M-NATAL PLUS TABS	54	44		NATACYN	56
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML .	63	moxifloxacin hcl TABS	44	NATAZIA	34
modafinil 100 MG	2	MRESVIA	63	nateglinide	16
modafinil 200 MG	2	MULTI PRENATAL TABS	54	NAYZILAM	12
MODERNA COVID-19 BIVALENT	63	mupirocin OINT	36	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	31
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	63	MVASI	24	nebivolol hcl 20 MG	31
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	63	MYALEPT	43	NEBUSAL NEBU	35
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	63	mycophenolate mofetil CAPS	53	nefazodone hcl	14
moexipril hcl	19	mycophenolate mofetil TABS	53	nelarabine	23
mometasone furoate (nasal) SUSP	55	mycophenolate sodium	53	neomycin sulfate TABS	2
		MYLERAN TABS	23	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	56
				neomycin-polymy-dexameth OINT	56
				neomycin-polymy-dexameth SUSP	
				0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,	

0.1 %	56	nicardipine hcl SOLN	32	nizatidine CAPS	61
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	56	NICOTINE KIT	59	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .		nicotine polacrilex GUM	59	MG/3ML	43
57		nicotine polacrilex LOZG	59	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	
57		MG/24HR, 21 MG/24HR	59	MG/1.5ML	43
NEONATAL COMPLETE TABS 120		NICOTROL INHA	59	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	34
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		NICOTROL NS SOLN	59	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		nifedipine CAPS 10 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW ..	34
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1	
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	54	nifedipine TB24 30 MG	32	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30	
NEONATAL PLUS TABS	54	nifedipine TB24 60 MG	32	MCG-75 MG	34
NEONATAL PRENATAL TABS ...	54	nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & eth estradiol	34
NEONATAL VITAMIN TABS	54	nifedipine TB24	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	
neostigmine methylsulfate SOSY ..	22	nilutamide	25	34	
NEO-SYNALAR	36	nimodipine CAPS	32	norethindrone (contraceptive)	34
NEUPRO	27	NIPENT	26	norethindrone acet & eth estra TABS	
NEVANAC	57	nisoldipine	32	34	
nevirapine SUSP	29	nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate TABS	58
nevirapine TABS	29	nitisinone CAPS	43	norethindrone acetate-ethinyl	
nevirapine TB24 400 MG	29	NITRO-BID OINT	8	estradiol	44
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	61	nitrofurantoin	22	norethindrone acetate-ethinyl	
NEXPLANON	34	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,		estradiol-fe	34
NEXTSTELLIS	34	100 MG	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitrofurantoin monohyd macro	22		34
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	65	nitroglycerin (intra-anal)	8	norgestimate-ethinyl estradiol	
NIACIN ER TBCR	65	nitroglycerin CPCR	8	(triphasic)	34
niacin TABS	65	nitroglycerin PT24	8	norgestimate-ethinyl estradiol	34
niacin TBCR	65	NITROGLYCERIN SOLN IV	8	norgestrel & ethinyl estradiol 30	
niacinamide TABS 100 MG	65	nitroglycerin SUBL	8	MCG-0.3 MG	34
niacinamide TABS 500 MG	65	NIVA-PLUS TABS	54	NORMOSOL-M IN D5W	52
nicardipine hcl CAPS	31			NORMOSOL-R PH 7.4	52

NORVIR CAPS	29	nystatin-triamcinolone OINT	37	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .	17
NORVIR PACK	29	NYVEPRIA	47	ondansetron hcl SOLN PO 4	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST		octreotide acetate SOLN	44	MG/5ML	17
41		ODEFSEY	29	ondansetron hcl SOSY	17
NOVAREL IM 10000 UNIT	43	ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 24 MG	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE		OFEV	59	ondansetron hcl TABS 4 MG	17
SUSP	63	ofloxacin (ophth)	56	ondansetron hcl TABS 8 MG	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE		ofloxacin (otic)	57	ondansetron TBDP 4 MG	17
SUSY	63	ofloxacin 300 MG, 400 MG	44	ondansetron TBDP 8 MG	17
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PLUS TABS	
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	olanzapine SOLR	28	54	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	28	ONE VITE WOMENS TABS	54
NOVOLIN N SUSP	16	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15		ONETOUCH DELICA SAFETY	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	MG, 20 MG	28	LANCING	50
NOVOLIN R SOLN IJ	16	olanzapine TBDP 20 MG	28	OPILL	34
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15		ORENITRAM TBCR	32
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN		MG	28	ORGOVYX	25
SUPN	16	olmesartan medoxomil	20	ORILISSA	43
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16	olmesartan medoxomil-amlodipine-		ORKAMBI PACK	59
NOVOLOG PENFILL SOCT	16	hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI TABS	59
NOVOLOG SOLN IJ	16	olmesartan medoxomil-		ORLADEYO	46
NP THYROID TABS	60	hydrochlorothiazide	20	orphenadrine citrate TB12	55
NUBEQA	25	olopatadine hcl (nasal)	55	oseltamivir phosphate CAPS	30
NUEDEXTA	59	olopatadine hcl 0.1 %	57	oseltamivir phosphate SUSR	31
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE		olopatadine hcl 0.2 %	57	OSPHERA	43
SUSY 5 MCG/0.5ML	63	omega-3-acid ethyl esters	18	OTEZLA TABS	5
nystatin (mouth-throat)	53	omeprazole CPDR	61	OTEZLA TBPK	5
nystatin (topical) CREA	37	omeprazole magnesium CPDR ...	61	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	5
nystatin (topical) OINT	37	omeprazole TBEC	61	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION	
nystatin (topical) POWD EX	37	omeprazole-sodium bicarbonate		PK TBPK	5
nystatin TABS	18	CAPS 1100 MG-20 MG	61	OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5	
nystatin-triamcinolone CREA	37	OMNIFLEX DIAPHRAGM	49		

MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML2	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML27	PEGASYS SOSY30
oxacillin sodium IV 10 GM58	paclitaxel protein-bound particles .27	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML23	paliperidone28	PENBRAYA62
oxaprozin TABS4	palonosetron hcl SOLN17	penciclovir38
oxazepam CAPS9	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML43	penicillamine CAPS52
oxcarbazepine SUSP12	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43	penicillamine TABS52
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG12	PANRETIN37	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .57
oxcarbazepine TABS 600 MG12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 61	penicillin g potassium 5000000 UNIT 57
oxiconazole nitrate CREA37	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 61	penicillin g sodium57
OXISTAT LOTN37	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER34	penicillin v potassium SOLR57
oxybutynin chloride SOLN61	paricalcitol CAPS43	penicillin v potassium TABS57
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...61	paricalcitol SOLN43	PENMENVY SUSR IM62
oxybutynin chloride TB2461	paroxetine hcl SUSP14	PENTACEL60
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG6	paroxetine hcl TABS14	pentamidine isethionate IN21
oxycodone hcl TABS6	paroxetine hcl TB2414	pentazocine w/ naloxone hcl7
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7	pazopanib hcl26	pentoxifylline46
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG7	PEDIARIX SUSY60	perampanel TABS 2 MG11
oxymorphone hcl TABS6	pediatric multivitamins w/fl CHEW .53	perampanel TABS 4 MG11
oxymorphone hcl TB12 40 MG6	PEDVAX HIB SUSP62	perampanel TABS 6 MG11
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid48	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG11
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN15	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 48	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .19
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML15	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride48	perindopril erbumine 4 MG19
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...16	PEGASYS SOLN30	permethrin CREA41
		permethrin LIQD EX41
		perphenazine TABS28
		perphenazine-amitriptyline58
		PERSERIS PRSY28

PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 63	pioglitazone hcl16	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %52
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP63	pioglitazone hcl-glimepiride 15	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L52
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP63	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	potassium chloride microencapsulated crystals er 52
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP 63	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .26	potassium chloride PACK PO 20 MEQ52
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP63	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .26	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 52
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG46	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .26	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML52
phendimetrazine tartrate TABS 1	pirfenidone CAPS59	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ 52
phenelzine sulfate13	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 59	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 46
phenobarbital ELIX47	pirfenidone TABS 534 MG59	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML52
phenobarbital TABS47	piroxicam CAPS4	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD36
phenoxybenzamine hcl19	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L52	pralatrexate 20 MG/ML 23
phentermine hcl CAPS1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..52	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG27
phenytoin CHEW13	PLEGRIDY SOAJ59	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG27
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13	PLEGRIDY SOSY SC59	prasugrel hcl46
phenytoin sodium SOLN13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 58	pravastatin sodium 19
phenytoin SUSP 13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC58	praziquantel8
PHEXX64	PNEUMOVAX 23 SOLN62	prazosin hcl CAPS20
PHEXXI64	PNEUMOVAX 23 SOSY62	PRECISION XTRA KETONE41
PHOTOFRIN26	podofilox SOLN41	
PIFELTRO29	polymyxin b-trimethoprim 56	
pilocarpine hcl (oral)53	POMALYST25	
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 55	posaconazole SUSP18	
pimecrolimus41	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 52	
pimozide59	potassium bicarbonate TBEF52	
pindolol TABS31	potassium chloride CPCR 52	

PRED MILD	56	PRENATAL PLUS TABS	54	prochlorperazine	28
prednisolone acetate (ophth)	56	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	54	prochlorperazine maleate TABS ...	28
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	56	PRENATAL TABS	54	progesterone CAPS	58
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	35	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	54	PROGRAF PACK	53
prednisolone sodium phosphate TBDP	35	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	54	PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)	53
prednisolone SOLN	35	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	54	PROLASTIN-C SOLN	59
prednisolone TABS	35	PRENATRYL TABS	54	PROLASTIN-C SOLR	59
prednisone SOLN	35	PREVNAR 13	62	PROLEUKIN	26
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	35	PREVNAR 20	62	PROLIA SOSY	43
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	35	PREZCOBIX	30	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
prednisone TBPk	35	PREZISTA SUSP	30	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	59	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	30	promethazine hcl TABS	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	59	PRIFTIN	23	propafenone hcl CP12	9
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	59	primaquine phosphate TABS	22	propafenone hcl TABS	9
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	primidone 50 MG, 250 MG	13	proparacaine hcl	56
pregabalin SOLN	13	PRIORIX SUSR	63	propranolol hcl CP24	31
PREHEVBRIO	63	PROAIR DIGIHALER	10	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	31
PREMARIN	64	PROAIR RESPICLICK AEPB	10	propranolol hcl TABS	31
PREMARIN SOLR	44	probenecid	46	propylthiouracil	60
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	44	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 9		PROQUAD SUSR	64
PREMPHASE	44			protiptyline hcl	14
PREMPRO	44			PROVISC SOSY	56
PRENATAL ONE DAILY TABS	54			prucalopride succinate	45
				PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10
				PULMOZYME	59
				pyrazinamide	23
				pyridostigmine bromide SOLN PO	22
				pyridostigmine bromide TABS 60 MG.	

22	rasagiline mesylate	27	RETROVIR SOLN	30
pyridostigmine bromide TBCR	22	RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10	REXULTI	28
pyrimethamine	22	MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15	REZVOGLAR KWIKPEN	16
PYZCHIVA 130 MG/26ML	45	MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20	ribavirin (hepatitis c) CAPS	30
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	38	MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	30
PYZCHIVA 90 MG/ML	38	MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML	2	
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	38	REALITY LATEX CONDOMS MISC .		
QC PRENATAL TABS	54	49	RIDAURA	4
QUADRACEL SUSP	60	REALITY LATEX/ULTRA	rifabutin	23
QUADRACEL SUSY	60	TEXTURED DEVI	49	
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	rifampin CAPS	23
MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400		49	rifampin SOLR	23
MG	28	REBIF REBIDOSE SOAJ	59	
quetiapine fumarate TB24	28	REBIF REBIDOSE TITRATION	riluzole TABS	55
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	PACK SOAJ	59	
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	REBIF SOSY	59	
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5		REBIF TITRATION PACK SOSY ..	59	
MG-10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSP	64	
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5		RECOMBIVAX HB SUSY	64	
MG-20 MG	20	RELENZA DISKHALER	31	
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-		RELION KETONE TEST STRP ...	41	
20 MG	20	RELION LANCET DEVICES 30G .	50	
quinidine sulfate TABS	9	RELION LANCETS	50	
quinine sulfate CAPS 324 MG	22	RELION TRUE METRIX TEST		
QUZYTIR SOLN IV	18	STRIPS STRP	41	
QVAR REDHALER	10	RENFLEXIS	45	
rabeprazole sodium TBEC	61	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	
raloxifene hcl	43	repaglinide 2 MG	16	
ramelteon	48	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		
ramipril CAPS	19	SOCT	19	
ranolazine TB12 1000 MG	8	REPATHA SOSY	19	
ranolazine TB12 500 MG	8	REPATHA SURECLICK SOAJ	19	
		RETACRIT	47	

rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .51	SELECT LANCETS 50	SIRTURO 23
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..51	selegiline hcl CAPS 27	SKYLA 34
roflumilast 9	selegiline hcl TABS 27	SKYRIZI PEN SOAJ 38
romidepsin SOLR 26	selenium sulfide LOTN 2.5 % 38	SKYRIZI SOCT 45
ropinirole hydrochloride TABS 27	SELZENTRY SOLN 30	SKYRIZI SOLN 45
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG 27	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	SKYRIZI SOSY 38
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG 27	SEREVENT DISKUS 10	SLYND 34
rosuvastatin calcium TABS 19	sertraline hcl CONC 14	SM PRENATAL VITAMINS TABS .54
ROTARIX SUSP 64	sertraline hcl TABS 14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) 51
ROTATEQ SOLN 64	sevelamer carbonate PACK 45	sodium acetate SOLN 51
ROZLYTREK CAPS 26	sevelamer carbonate TABS 45	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 % 46
RUBRACA 26	SHINGRIX 64	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 % 35
rufinamide SUSP 13	SIGNIFOR 44	sodium citrate & citric acid 46
rufinamide TABS 200 MG 13	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN 32	sodium fluoride CHEW 52
rufinamide TABS 400 MG 13	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR 32	sodium phenylbutyrate POWD 43
RUXIENCE 24	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS 32	sodium phenylbutyrate TABS 43
RYBELSUS TABS 16	sildenafil citrate 32	sodium polystyrene sulfonate POWD 53
sacubitril-valsartan TABS 32	silodosin 46	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML 53
salsalate 5	silver sulfadiazine 38	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate 48
SANTYL OINT 40	SIMLANDI (1 PEN) AJKT 3	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS 30
SAVELLA TABS 58	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT 3	solifenacin succinate TABS 61
SAVELLA TITRATION PACK MISC 58	SIMLANDI (2 PEN) AJKT 3	SOLQUA 15
saxagliptin hcl 15	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT 3	SOLU-CORTEF 250 MG 35
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG 15	SIMPONI ARIA SOLN 3	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG 35
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG 15	SIMULECT 53	SOLU-MEDROL 2 GM 35
scopolamine 17	simvastatin TABS 19	
SELECT INSULIN SYRINGES ... 50	sirolimus TABS 53	

sorafenib tosylate	26	streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	51
SORBITOL 3 %	46	STRIBILD	30	sumatriptan succinate TABS	51
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	46	STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan-naproxen sodium	51
sotalol hcl (afib/af)	31	SUBSYS LIQD 800 MCG	6	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26
sotalol hcl TABS 240 MG	31	sucrafate SUSP	61	sunitinib malate 37.5 MG	26
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	31	sucrafate TABS	61	SUNOSI 150 MG	1
SOVALDI TABS 200 MG	30	sulconazole nitrate CREA	37	SUNOSI 75 MG	1
SOVALDI TABS 400 MG	30	sulconazole nitrate SOLN	37	SYMTUZA	30
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	64	sulfacetamide sodium (acne)	36	SYNAREL	43
SPIKEVAX SUSP	64	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 56		SYNJARDY TABS	15
SPIKEVAX SUSY	64	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
spinosad	41	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	36	SYNRIBO	26
spironolactone & hydrochlorothiazide	42	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	56	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	60
spironolactone TABS	42	sulfadiazine TABS	59	TABLOID	23
SPRAVATO (56 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	tacrolimus (topical) OINT	41
SPRAVATO (84 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus CAPS	53
stannous fluoride CONC	53	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	53
STELARA 130 MG/26ML	45	SULFAMYLON CREA	39	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	32
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	38	sulfasalazine TABS	45	tadalafil 5 MG	32
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	38	sulfasalazine TBEC	45	TAFINLAR CAPS	26
STELARA SOSY 90 MG/ML	38	sulindac TABS	5	TAFINLAR TBSO	26
STEQEYMA	45	sumatriptan	51	tafluprost	57
STEQEYMA 45 MG/0.5ML	38	sumatriptan succinate SOAJ	51	TAGRISSO 40 MG	24
STEQEYMA 90 MG/ML	38	sumatriptan succinate SOCT	51	TAGRISSO 80 MG	24
STIOLTO RESPIMAT	10				
STIVARGA	26				

TAKHZYRO SOLN	46	teriflunomide	59	TIVICAY TABS	30
TAKHZYRO SOSY	46	teriparatide SOPN	43	tizanidine hcl CAPS	55
TALZENNA	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	8	tizanidine hcl TABS	55
tamoxifen citrate TABS	25	testosterone cypionate SOLN IM ...	8	tobramycin (ophth) SOLN	56
tamsulosin hcl	46	testosterone enanthate SOLN IM ...	8	tobramycin NEBU	2
tavaborole	37	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	60	tobramycin-dexamethasone SUSP 56	
tazarotene CREA 0.1 %	38	tetrabenazine	58	TODAY SPONGE MISC	64
TAZVERIK	26	tetracycline hcl CAPS	60	tolcapone	27
TDVAX SUSP	60	THALOMID	52	tolmetin sodium CAPS	5
TEFLARO	33	theophylline ELIX	10	tolmetin sodium TABS 600 MG	5
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 13		theophylline SOLN	10	TOLSURA CAPS	18
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 13		theophylline TB12	10	tolterodine tartrate CP24	61
telmisartan	20	theophylline TB24	10	tolterodine tartrate TABS	61
telmisartan-amlodipine	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	54	tolvaptan TABS	44
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20	thioridazine hcl	28	topiramate CPSP 15 MG	13
temazepam 15 MG, 30 MG	47	thiotepa 15 MG	23	topiramate CPSP 25 MG	13
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	47	thiothixene	28	topiramate CS24	13
TEMODAR SOLR	23	THYMOGLOBULIN	53	topiramate TABS 200 MG	13
temozolomide CAPS	23	THYROGEN 0.9 MG	41	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	13
temsirolimus	26	tiagabine hcl	13	topiramate TABS 50 MG	13
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	60	ticagrelor 60 MG, 90 MG	46	topotecan hcl SOLN	27
tenofovir disoproxil fumarate TABS 30		timolol maleate (ophth) SOLG	55	topotecan hcl SOLR	27
terazosin hcl	20	timolol maleate (ophth) SOLN	55	toremifene citrate	25
terbinafine hcl TABS	18	timolol maleate TABS	31	torsemide TABS	42
terbutaline sulfate SOLN	10	tinidazole	21	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	32
terbutaline sulfate TABS	10	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	9	tramadol hcl TABS 50 MG	6
terconazole vaginal CREA	64	TIVICAY PD TBSO	30	tramadol hcl TB24	6
terconazole vaginal SUPP	64			tramadol-acetaminophen	7
				trandolapril 1 MG, 2 MG	19

trandolapril 4 MG19	tretinoin microsphere 0.1 %36	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .15
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG21	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG23	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG15
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG21	triamcinolone acetonide (mouth) ..53	TRIKAFTA TBPK59
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML47	triamcinolone acetonide (nasal) AERO55	trimethobenzamide hcl CAPS17
tranexamic acid TABS47	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %40	trimethoprim TABS21
tranylcypromine sulfate13	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %40	trimipramine maleate CAPS14
travoprost SOLN57	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %40	TRINTELLIX14
TRAZIMERA24	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %40	TRIUMEQ PD TBSO30
trazodone hcl TABS14	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %40	TRIUMEQ TABS30
TRELEGY ELLIPTA10	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %40	TROJAN BARESKIN DEVI49
TRELSTAR MIXJECT25	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %40	TROJAN MAGNUM MISC49
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML38	triamcinolone acetoneide (topical) SUSP 40 MG/ML35	TROJAN ULTRA THIN MISC49
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 38	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG42	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC49
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML45	triamterene & hydrochlorothiazide TABS42	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 49
TREMFYA SOLN IV45	triamterene CAPS42	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC .49
TREMFYA SOSY 100 MG/ML38	triazolam47	tropicamide SOLN 0.5 %55
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 45	TRICARE TABS54	tropicamide SOLN 1 %55
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML45	trientine hcl 250 MG52	trospium chloride CP2461
treprostinil SOLN IJ32	trifluoperazine hcl TABS28	trospium chloride TABS61
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN16	trifluridine56	TRUE COVER DEVI49
TRESIBA SOLN16	trihexyphenidyl hcl SOLN27	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP41
tretinoin (chemotherapy)26	trihexyphenidyl hcl TABS27	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...50
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %36		TRULANCE45
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %36		TRULICITY16
		TRUMENBA 0.5 ML62
		TRUSTEX COLOR CONDOMS +

LUBE MISC49	UBRELVY 100 MG50	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC49	UBRELVY 50 MG50	VAQTA64
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC49	UDENYCA ONBODY SOSY47	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML64
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC49	UDENYCA SOAJ47	varenicline tartrate TABS59
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC49	UDENYCA SOSY47	varenicline tartrate TBPk59
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC49	umeclidinium-vilanterol10	VARIVAX SUSR64
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...49	UPTRAVI TABS 200 MCG33	VARUBI (180 MG DOSE) TBPk ...17
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 49	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG33	VAXELIS SUSP60
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC49	UPTRAVI TITRATION TBPk33	VAXELIS SUSY60
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC49	ursodiol CAPS45	VAXNEUVANCE62
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 49	ursodiol TABS45	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM64
TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC49	UVADEX26	VECAMEYL21
TRUXIMA24	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG25	VECTIBIX 100 MG/5ML24
TUKYSA24	valacyclovir hcl 1 GM30	VELPHORO45
TURALIO 125 MG26	valacyclovir hcl 500 MG30	venlafaxine hcl CP2414
TWINRIX SUSY64	valganciclovir hcl TABS30	venlafaxine hcl TABS14
TWIRLA34	valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML13	venlafaxine hcl TB2414
TYBLUME CHEW34	valproic acid CAPS13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG32
TYBOST30	valrubicin25	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG32
TYMLOS43	valsartan TABS20	verapamil hcl TABS32
TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...32	valsartan-hydrochlorothiazide21	verapamil hcl TBCR32
TYVASO SOLN IN32	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD12	VEREGEN36
TYVASO STARTER KIT SOLN IN .32	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML12	VERZENIO26
	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML12	vigabatrin PACK13
	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD12	vigabatrin TABS13
	vancomycin hcl CAPS21	VIIBRYD STARTER PACK KIT14
		vilazodone hcl TABS14

vincristine sulfate	27	XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban)	11	MG/0.8ML	3
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4
VIRACEPT TABS 250 MG	30	XARELTO TABS 15 MG	11	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4
VIRACEPT TABS 625 MG	30	XELJANZ SOLN	2	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4
VIREAD POWD	30	XELJANZ TABS 10 MG	2	zafirlukast	9
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	30	XELJANZ TABS 5 MG	2	zaleplon 10 MG	48
VISTOGARD	17	XELJANZ XR TB24	2	zaleplon 5 MG	48
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	64	XEOMIN	55	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
VITATHELY WITH GINGER TABS 54		XHANCE EXHU	55	ZANOSAR	23
VITRAKVI CAPS	26	XIFAXAN 200 MG	21	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
VITRAKVI SOLN	26	XIFAXAN 550 MG	21	ZARXIO	47
VIZIMPRO	24	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15	ZEJULA TABS	26
VORAXAZE	26	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZELBORAF	26
voriconazole TABS	18	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	42
VOSEVI	30	XOSPATA	26	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	42
warfarin sodium TABS	10	XTANDI CAPS	25	zidovudine CAPS	30
water for irrigation, sterile	53	XTANDI TABS 40 MG	25	zidovudine SYRP	30
WESTAB PLUS TABS	54	XTANDI TABS 80 MG	25	zidovudine TABS	30
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	50	XULTOPHY	15	zileuton TB12	9
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	50	YERVOY	24	ziprasidone hcl	28
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	50	YESINTEK 130 MG/26ML	45	ZIRABEV	24
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	50	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	38	ZIRGAN GEL	56
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	50	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	38	ZOLADEX 10.8 MG	25
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	50	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	38		
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	50	YONSA	25		
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	50	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	3		
XALKORI CAPS	26	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 80			

ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 43	
ZOLINZA	26
zolmitriptan SOLN	51
zolmitriptan TABS	51
zolmitriptan TBDP	51
zolpidem tartrate TABS	48
zolpidem tartrate TBCR	48
zonisamide CAPS	13
ZONTIVITY	47
ZORBTIVE SC	43
ZYDELIG	26
ZYLET	56

Ambetter from Superior HealthPlan includes EPO products that are underwritten by Celtic Insurance Company, and HMO products that are underwritten by Superior HealthPlan, Inc. These companies are each Qualified Health Plan issuers in the Texas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Celtic Insurance Company, ©2025 Superior HealthPlan, Inc. All rights reserved. AmbetterHealth.com/en/tx. For information on your right to receive Ambetter from Superior HealthPlan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from Superior HealthPlan bao gồm các sản phẩm EPO được bảo lãnh bởi Celtic Insurance Company và các sản phẩm HMO được bảo lãnh bởi Superior HealthPlan, Inc. Mỗi công ty này đều là các đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Texas. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Celtic Insurance Company, ©2025 Superior HealthPlan, Inc. Bảo lưu mọi quyền. AmbetterHealth.com/en/tx. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Superior HealthPlan mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.